

TÀI LIỆU MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM
AN PHÁT HƯNG GIA
BV-NAUVL01

An Phát Hưng Gia là sản phẩm Bảo hiểm liên kết chung cung cấp Quyền Lợi Đầu Tư đồng thời mang lại sự Bảo Vệ Toàn Diện trước những rủi ro trong cuộc sống. Chi với phí đóng 30.000.000 đồng/năm, tương đương khoảng 82.200 đồng/ngày, Quý khách sẽ nhận được các Quyền lợi sau:

- Được bảo vệ trước rủi ro tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn (do tai nạn) với Số tiền bảo hiểm 1.000.000.000 đồng
- Được chi trả ngay khoản tiền mặt tương đương 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (tối đa 500.000.000 đồng) để hỗ trợ điều trị bệnh trong trường hợp bị bệnh hiểm nghèo.
- Phí bảo hiểm phân bổ được tích lũy và đầu tư theo lãi suất công bố của Bảo Việt Nhân thọ, sinh lời an toàn và đều đặn hàng năm.
- Được hưởng Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản.
- Quyền lợi đáo hạn dự kiến: 2.517.550.000 đồng (đã bao gồm Quyền lợi duy trì Hợp đồng và Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản)*
- Luôn được bảo vệ ngay cả khi tạm ngừng đóng phí bảo hiểm (trong khi Hợp đồng vẫn còn hiệu lực)
- Có thể rút Giá trị Tài khoản.

(*) Giá trị tính theo mức Lãi suất đầu tư dự kiến là 7.0%/năm.

Bên mua bảo hiểm : NGUYỄN VĂN A
Người được bảo hiểm : NGUYỄN VĂN A

Tổng Công Ty Bảo Việt Nhân thọ: Thành lập năm 1996, Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ là công ty Bảo hiểm nhân thọ đầu tiên trên thị trường Việt Nam và liên tục là một trong những công ty bảo hiểm nhân thọ có kết quả kinh doanh dẫn đầu thị trường trong những năm qua. Bảo Việt Nhân thọ được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007 và các Giấy phép điều chỉnh sau đó. Vốn điều lệ: 2.500 tỷ đồng

Trụ sở chính: Tầng 37, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài 1900 558899 **Fax** 024.35770958

Tư vấn viên: *Bùi Thị Hồng Tuyền*

Mã số: D100136551

Điện thoại: 0989345818

Nhóm/Ban: Nhóm Hà Nội 2720 - NHN

Địa chỉ liên hệ: Bảo Việt Nhân Thọ Hà nội

Số 94 phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm



QUYỀN LỢI CƠ BẢN CỦA AN PHÁT HƯNG GIA

- Quyền lợi đáo hạn:** bằng toàn bộ Giá trị Tài khoản Hợp đồng sẽ được trả khi Người được bảo hiểm sống đến ngày đáo hạn.
- Quyền lợi duy trì Hợp đồng:** nếu phí bảo hiểm được đóng đầy đủ và Người được bảo hiểm sống đến ngày đáo hạn, quyền lợi này sẽ được trả.
- Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị tài khoản:** Khi Hợp đồng không tạm ngừng đóng phí và đang trong thời hạn đóng phí bảo hiểm theo quy định, nếu Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi đạt mức quy định, Quyền lợi Thưởng gia tăng Giá trị Tài khoản sẽ được trả bằng cách cộng vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng:

	Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản trong một năm ngay trước ngày xác định quyền lợi	Tỷ lệ % trên lớp Giá trị Kỹ thuật trung bình của Tài khoản
Lớp thứ nhất	Từ 0 đến 250 triệu đồng	0%
Lớp thứ hai	Từ trên 250 triệu đồng đến 500 triệu đồng	0,2%
Lớp thứ ba	Từ trên 500 triệu đồng đến 1 tỷ đồng	0,4%
Lớp thứ tư	Từ trên 1 tỷ đồng	0,6%

- Quyền lợi bảo hiểm tử vong:** Quyền lợi Cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa Số tiền bảo hiểm gia tăng và Giá trị Tài khoản Hợp đồng.

Lưu ý: Những trường hợp tử vong trước sinh nhật 4 tuổi sẽ chi trả theo quy định cụ thể nêu tại Điều khoản Hợp đồng.

- Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn:** bằng 100% Quyền lợi bảo hiểm tử vong.

- Quyền lợi bảo hiểm bệnh hiểm nghèo:** 50% Quyền lợi bảo hiểm tử vong (nhưng không quá 500 triệu đồng) sẽ được ứng trước khi Người được bảo hiểm không may mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn cuối và Hợp đồng đã có hiệu lực từ 12 tháng trở lên. Số tiền đã ứng trước sẽ được khấu trừ khi chi trả các quyền lợi khác hoặc khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực.

7. Lãi suất cam kết tối thiểu

Năm hợp đồng	Năm 1	Năm 2	Năm 3 và Năm 4	Năm 5	Từ Năm 6 đến Năm 10	Từ Năm thứ 11 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	5,0%/năm	4,5%/năm	4,0%/năm	3,5%/năm	3,0%/năm	2,0%/năm

8. Quyền của Bên mua bảo hiểm

Quý khách có thể chủ động và linh hoạt lập kế hoạch bảo hiểm và đầu tư (phù hợp với quy định tại Điều khoản Hợp đồng và của Bảo Việt Nhân thọ) như sau:

- Lựa chọn/Thay đổi lựa chọn Quyền lợi tử vong
- Lựa chọn/Thay đổi Số tiền bảo hiểm và/hoặc Tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm
- Lựa chọn/Thay đổi thời hạn bảo hiểm
- Lựa chọn/Thay đổi Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn sau 2 năm
- Đóng thêm Phí bảo hiểm để gia tăng đầu tư
- Rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng
- Tạm ứng từ Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”)
- Tạm ngừng đóng phí
- Khôi phục Hợp đồng
- Tham gia các Sản phẩm hỗ trợ để gia tăng quyền lợi bảo vệ

Lưu ý: Để được chấp nhận bảo hiểm, tuổi của Người được bảo hiểm phải từ 0 đến 60 tuổi nhưng không quá 70 tuổi khi Hợp đồng đáo hạn.



CÁC LOẠI PHÍ

1. Phí bảo hiểm rủi ro: được xác định căn cứ vào tỷ lệ phí bảo hiểm rủi ro, Số tiền bảo hiểm rủi ro, nghề nghiệp, sức khỏe, độ tuổi, giới tính của Người được bảo hiểm và các quy định liên quan của Bảo Việt Nhân thọ.

2. Phí ban đầu:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm định kỳ	50%	25%	20%	15%	10%	2,5%
Tỷ lệ phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm	8%	6%	6%	6%	5%	2,5%

3. Phí quản lý Hợp đồng: 20.000 đồng/tháng.

4. Phí quản lý Quỹ liên kết chung: 2%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Mức Phí quản lý Quỹ liên kết chung có thể thay đổi nhưng sẽ không quá 3%/năm.

5. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng: trong khoảng từ 0,25%/năm đến 1%/năm tính trên phần giá trị của Hợp đồng trong Quỹ liên kết chung. Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng không rút ra khỏi Quỹ liên kết chung và Quyền lợi duy trì Hợp đồng tương ứng với Phí khuyến khích duy trì Hợp đồng sẽ thuộc về Quý khách nếu Hợp đồng được duy trì đến ngày đáo hạn.

6. Phí chấm dứt Hợp đồng: được thu khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong 07 năm phân bổ đầu tiên. Cụ thể:

Năm phân bổ	1	2	3	4	5	6	7	Từ năm thứ 8 trở đi
Phí chấm dứt Hợp đồng (% Phí bảo hiểm định kỳ quy năm)	100%	100%	90%	80%	70%	50%	25%	0%

7. Phí rút trước và Phí dịch vụ: được áp dụng khi có khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng và được tính theo tỷ lệ thuận với Phí chấm dứt Hợp đồng theo Năm phân bổ. Khi rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng Quý khách chịu thêm Phí dịch vụ (hiện tại là 100.000 đồng). Trong mỗi Năm hợp đồng, Quý khách được miễn Phí dịch vụ cho lần rút đầu tiên.

8. Phí kiểm tra sức khỏe: bằng chi phí thực tế phát sinh. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

9. Phí đánh giá rủi ro và phát hành Hợp đồng: 0,3% Số tiền bảo hiểm gốc, tối thiểu: 60.000 đồng, tối đa: 300.000 đồng. Quý khách chỉ phải chịu chi phí này trong một số trường hợp.

Phí quản lý Hợp đồng và Phí dịch vụ có thể được Bảo Việt Nhân thọ điều chỉnh hàng năm căn cứ vào tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố.



THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM DỰ KIẾN

Ngày dự thảo: 19/08/2019

	Bên mua bảo hiểm (BMBH) đồng thời là Người được bảo hiểm (NDBH)	Người hôn phối của BMBH
Họ và tên	Nguyễn Văn A	Nguyễn Thị B
Giới tính	Nam	Nữ
Ngày sinh	01/01/1985	01/01/1988
Tuổi được bảo hiểm	35	32
CMND/Thẻ CCCD/HC	111	123
Nghề nghiệp		

Thông tin về Hợp đồng chính An Phát Hưng Gia

Số tiền bảo hiểm: 1.000.000.000 đồng	Thời hạn đóng phí: 20 năm
Lựa chọn tỷ lệ gia tăng Số tiền bảo hiểm: 0 %	Định kỳ đóng Phí bảo hiểm: Năm
Quyền lợi bảo hiểm tử vong: Quyền lợi Cơ bản	Phí bảo hiểm định kỳ: 30.000.000 đồng
Thời hạn bảo hiểm: 20 năm	Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ: 30.000.000 đồng

Thông tin về Quyền lợi của Sản phẩm bổ trợ

Sản phẩm bổ trợ	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí năm (đồng)	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi
Sản phẩm bổ trợ cho Người được bảo hiểm:				
1. Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.215.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
2. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.107.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bổ trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
Tổng phí SPBT cho Người được bảo hiểm		2.322.000		
Sản phẩm bổ trợ cho Người hôn phối của BMBH:				
1. Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR12)	200.000.000	226.400	Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)



BMBH: Nguyễn Văn A
 Tư vấn viên: Bùi Thị Hồng Tuyền

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
 Version BVL2019.UVL_V1.1
 BV-NAUVL01

Trang 4/9

Sản phẩm bảo trợ	Số tiền bảo hiểm (đồng)	Phí năm (đồng)	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi
2. Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn (BV-NR13)	200.000.000	362.240	Tử vong và Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn	100% Số tiền bảo hiểm
3. Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)	50.000.000	1.690.000	657 Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm”)
4. Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng (BV-NR17)		1.866.000	37 Bệnh lý nghiêm trọng và 8 Bệnh ung thư phụ nữ	Hợp đồng chính và Sản phẩm bảo trợ này được miễn Phí bảo hiểm định kỳ (trừ Phí đóng thêm) kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo
Tổng phí SPBT cho Người hôn phối của BMBH		4.144.640		
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của các Sản phẩm bảo trợ		6.466.640		

Tổng Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng chính (không bao gồm phí đóng thêm nếu có) và Sản phẩm bảo trợ: 36.466.640 đồng

Lưu ý:

- Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bảo trợ trong tài liệu minh họa này được làm tròn theo đơn vị đồng.
- Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo trợ không vượt quá thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính.
- Sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm không thay đổi.
- Sản phẩm bảo trợ Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa có thời hạn bảo hiểm 1 năm và sẽ được tự động tái tục vào ngày tiếp theo ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm với mức phí bảo hiểm tại ngày tái tục.
- Sản phẩm bảo trợ Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng có thời hạn bảo hiểm tối đa bằng thời hạn đóng phí của Hợp đồng chính và có phí bảo hiểm không thay đổi.
- Các Quyền lợi (*) sẽ chi trả theo quy định cụ thể nêu tại Điều khoản Sản phẩm bảo trợ đối với trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi.
- Sản phẩm bảo trợ có áp dụng quy định hạn mức chi trả tối đa theo quy định tại Điều khoản Sản phẩm bảo trợ tương ứng.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các sản phẩm bảo trợ:
 - + Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm tử vong và thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn, Bảo hiểm phẫu thuật và điều trị ngoại khoa: Từ 01 đến 60 tuổi. Độ tuổi trên 60 có thể được tiếp tục bảo hiểm nếu đã tham gia bảo hiểm liên tục ít nhất 5 năm, nhưng tuổi tối đa khi kết thúc bảo hiểm không quá 70 tuổi.
 - + Quyền lợi miễn đóng phí bảo hiểm các bệnh lý nghiêm trọng mở rộng: Từ 01 đến 60 nhưng tuổi tối đa khi kết thúc thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm bảo trợ không quá 65 tuổi.



MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) CỦA HỢP ĐỒNG CHÍNH

Đơn vị: **nghìn đồng** (trừ khi được nêu rõ)

Năm hợp đồng	Tuổi	Phí bảo hiểm đóng trong năm		Phí ban đầu	Phí bảo hiểm phân bổ vào Giá trị tài khoản	Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm				Giá trị minh họa với Lãi suất cam kết				
		Phí bảo hiểm định kỳ	Phí bảo hiểm đóng thêm			QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước	Phí bảo hiểm rủi ro của HĐ chính	QLBH từ vòng	Quyền lợi Thưởng gia tăng GTTK	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị giải ước
1	35	30.000	30.000	17.400	42.600	1.000.000	0	42.599	12.599	1.000.000	0	41.777	11.777	2.636	1.000.000	0	41.777	11.777
2	36	30.000	30.000	9.300	50.700	1.000.000	0	96.847	66.847	1.000.000	0	94.143	64.143	2.641	1.000.000	0	93.688	63.688
3	37	30.000	30.000	7.800	52.200	1.000.000	0	156.520	129.520	1.000.000	0	150.718	123.718	2.629	1.000.000	0	148.793	121.793
4	38	30.000	30.000	6.300	53.700	1.000.000	0	222.020	198.020	1.000.000	0	211.728	187.728	2.603	1.000.000	0	207.688	183.688
5	39	30.000	30.000	4.500	55.500	1.000.000	0	294.103	273.103	1.000.000	0	277.730	256.730	2.565	1.000.000	0	269.542	248.542
6	40	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	107	374.567	359.567	1.000.000	66	350.277	335.277	2.494	1.000.000	43	335.105	320.105
7	41	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	272	460.964	453.464	1.000.000	213	426.664	419.164	2.388	1.000.000	175	402.787	395.287
8	42	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	451	553.840	553.840	1.000.000	371	507.220	507.220	2.243	1.000.000	312	472.782	472.782
9	43	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	788	653.707	653.707	1.000.000	572	592.187	592.187	2.091	1.000.000	455	545.173	545.173
10	44	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	1.204	761.318	761.318	1.000.000	922	681.904	681.904	1.889	1.000.000	705	620.088	620.088
11	45	30.000	30.000	1.500	58.500	1.000.000	1.652	877.413	877.413	1.000.000	1.292	776.846	776.846	1.646	1.000.000	997	690.972	690.972
12	46	30.000	30.000	1.500	58.500	1.002.755	2.135	1.002.755	1.002.755	1.000.000	1.684	877.390	877.390	1.364	1.000.000	1.285	763.856	763.856
13	47	30.000	30.000	1.500	58.500	1.137.579	2.735	1.137.579	1.137.579	1.000.000	2.098	983.953	983.953	1.018	1.000.000	1.581	838.842	838.842
14	48	30.000	30.000	1.500	58.500	1.282.482	3.575	1.282.482	1.282.482	1.096.533	2.556	1.096.533	1.096.533	599	1.000.000	1.886	916.053	916.053
15	49	30.000	30.000	1.500	58.500	1.438.427	4.480	1.438.427	1.438.427	1.215.222	3.251	1.215.222	1.215.222	99	1.000.000	2.200	995.626	995.626
16	50	30.000	30.000	1.500	58.500	1.606.257	5.454	1.606.257	1.606.257	1.340.576	3.985	1.340.576	1.340.576	0	1.077.210	2.535	1.077.210	1.077.210
17	51	30.000	30.000	1.500	58.500	1.786.876	6.502	1.786.876	1.786.876	1.472.968	4.761	1.472.968	1.472.968	0	1.160.767	3.031	1.160.767	1.160.767
18	52	30.000	30.000	1.500	58.500	1.981.260	7.629	1.981.260	1.981.260	1.612.793	5.580	1.612.793	1.612.793	0	1.246.501	3.541	1.246.501	1.246.501
19	53	30.000	30.000	1.500	58.500	2.190.458	8.843	2.190.458	2.190.458	1.760.470	6.444	1.760.470	1.760.470	0	1.334.470	4.063	1.334.470	1.334.470
20	54	30.000	30.000	1.500	58.500	2.415.598	10.149	2.415.598	2.415.598	1.916.439	7.358	1.916.439	1.916.439	0	1.424.732	4.599	1.424.732	1.424.732

Tổng Phí bảo hiểm đóng: 1.200.000.000 đồng. Trong đó: Phí bảo hiểm định kỳ: 600.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 600.000.000 đồng.

Quyền lợi đáo hạn và Quyền lợi duy trì Hợp đồng:

Đơn vị: **nghìn đồng**

	Với Lãi suất dự kiến 7.0%/năm	Với Lãi suất dự kiến 5.0%/năm	Với Lãi suất cam kết
--	-------------------------------	-------------------------------	----------------------



BMBH: Nguyễn Văn A
 Tư vấn viên: Bùi Thị Hồng Tuyền

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
 Version BVL2019.UVL_V1.1
 BV-NAUVL01

Quyền lợi đáo hạn (đã bao gồm Quyền lợi Thường gia tăng Giá trị Tài khoản)	2.425.748	1.923.796	1.429.331
Quyền lợi duy trì Hợp đồng	91.803	72.639	53.650
Tổng cộng	2.517.550	1.996.435	1.482.981

Ghi chú:

- Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị giải ước nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng. Lưu ý với trường hợp tử vong trước sinh nhật lần thứ 4, số tiền trả áp dụng theo tỷ lệ % của Quyền lợi bảo hiểm tử vong và thay đổi theo sinh nhật.
- Giá trị giải ước (“Giá trị hoàn lại”) là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trước thời hạn theo các quy định tương ứng trong Điều khoản Hợp đồng bảo hiểm. Giá trị này được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng. Giá trị giải ước được xác định theo công thức đã được Bộ Tài chính chấp thuận.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất cam kết là các giá trị được đảm bảo.
- Các giá trị minh họa theo Lãi suất dự kiến là các giá trị không được đảm bảo. Lãi suất công bố của Quỹ liên kết chung có thể cao hơn hoặc thấp hơn Lãi suất dự kiến.
- Phí quản lý Hợp đồng đã được khấu trừ khi tính toán Giá trị Tài khoản Hợp đồng và các giá trị liên quan.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trong bảng trên đã bao gồm Quyền lợi Thường gia tăng Giá trị Tài khoản (nếu có).
- Các giá trị minh họa được làm tròn theo đơn vị nghìn đồng (trừ khi được nêu rõ). Do việc làm tròn này, giá trị thể hiện theo đơn vị đồng có thể khác so với khi thể hiện theo đơn vị nghìn đồng.

LÃI SUẤT CÔNG BỐ VÀ LÃI SUẤT DỰ KIẾN CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Lãi suất dự kiến áp dụng kể từ ngày 01/01/2019 là: 6%/năm. Trong các năm qua, Bảo Việt Nhân thọ thường có Lãi suất công bố cao hơn Lãi suất dự kiến và là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ có Lãi suất công bố cho sản phẩm liên kết chung cao nhất trên thị trường. Cụ thể, Lãi suất công bố bình quân 5 năm qua của Bảo Việt Nhân thọ là 7,1%/năm; trong đó Lãi suất công bố cao nhất là 8,5%/năm (năm 2014).



PHÍ BẢO HIỂM TÁI TỤC CỦA CÁC SẢN PHẨM BỒ TRỢ

Sản phẩm bảo trợ: Bảo hiểm Phẫu thuật và điều trị ngoại khoa (BV-NR16)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
36	1.270.000	46	1.995.000
37	1.285.000	47	2.045.000
38	1.310.000	48	2.110.000
39	1.400.000	49	2.200.000
40	1.470.000	50	2.290.000
41	1.595.000	51	2.380.000
42	1.670.000	52	2.480.000
43	1.760.000	53	2.550.000
44	1.875.000	54	2.690.000
45	1.935.000		

Người được bảo hiểm: Nguyễn Thị B

Số tiền bảo hiểm: 50.000.000 đồng

Tuổi	Phí năm (đồng)	Tuổi	Phí năm (đồng)
33	1.690.000	43	2.015.000
34	1.710.000	44	2.015.000
35	1.745.000	45	2.030.000
36	1.830.000	46	2.050.000
37	1.875.000	47	2.075.000
38	1.910.000	48	2.130.000
39	1.935.000	49	2.245.000
40	1.935.000	50	2.335.000
41	2.010.000	51	2.435.000
42	2.010.000		



QUÝ KHÁCH LƯU Ý

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn, theo định kỳ đóng Phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng, do vậy có thể cao hơn, hoặc thấp hơn so với số liệu minh họa nêu trên.
- Phí bảo hiểm rủi ro của Hợp đồng chính (An Phát Hưng Gia) và Phí bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ (nếu có) trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.
- Việc tham gia Hợp đồng An Phát Hưng Gia là một cam kết dài hạn, do vậy việc không đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, giảm Phí bảo hiểm, dừng đóng Phí bảo hiểm, rút một phần Giá trị Tài khoản Hợp đồng hoặc chấm dứt Hợp đồng trong các năm đầu là KHÔNG có lợi. Theo quy định hiện hành của Bảo Việt Nhân thọ, Phí bảo hiểm đóng theo hóa đơn KHÔNG được giảm trong 02 Năm hợp đồng đầu tiên.
- Hợp đồng An Phát Hưng Gia sẽ tự động chấm dứt hiệu lực và Quý khách sẽ không được nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng và/hoặc Giá trị giải ước của Hợp đồng (nếu có) nếu Quý khách không đóng Phí bảo hiểm định kỳ trong thời gian gia hạn đóng phí là 60 ngày (kể từ ngày đến hạn đóng phí trong trường hợp Hợp đồng chưa có Giá trị giải ước hoặc kể từ ngày Giá trị giải ước của Hợp đồng sau khi trừ Khoản nợ không đủ cho Khoản khấu trừ hàng tháng).
- Quyền lợi bảo hiểm cùng những nội dung khác liên quan đến việc giao kết và thực hiện Hợp đồng của Hợp đồng chính và các Sản phẩm bổ trợ được quy định chi tiết trong Điều khoản bảo hiểm An Phát Hưng Gia và Điều khoản bảo hiểm của các Sản phẩm bổ trợ tương ứng.

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Bên mua bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng, điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Hưng Gia và Sản phẩm bổ trợ mua kèm. Tôi đồng thời cũng xác nhận đã đọc và hiểu toàn bộ nội dung của Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm này kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Bên mua bảo hiểm

Chữ ký

Ngày/tháng/năm

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm) ký tên dưới đây, cam kết đã tư vấn và giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Quý khách có tên nêu trên về nội dung Tài liệu minh họa Hợp đồng bảo hiểm, Điều khoản Hợp đồng và điều kiện bảo hiểm của sản phẩm An Phát Hưng Gia và Sản phẩm bổ trợ mua kèm.

Tư vấn viên

Chữ ký

Ngày/tháng/năm



BMBH: Nguyễn Văn A
Tư vấn viên: Bùi Thị Hồng Tuyền

Chữ ký BMBH:

Tài liệu này chỉ có giá trị sử dụng khi có đầy đủ số trang.
Version BVL2019.UVL_V1.1
BV-NAUVL01

Trang 9/9